

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 48/2023/DS-PT

Ngày: 15/6/2023.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Thành.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bảo Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 33/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn Đ** - Sinh năm 1982.

Địa chỉ: **Số nhà C L, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa** (Có mặt).

* Bị đơn: Anh **Lê Kim P** - Sinh năm 1973.

Địa chỉ: **Số nhà A T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa** (Có mặt).

* Người kháng cáo: Bị đơn anh **Lê Kim P**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Hoàng Văn Đ** trình bày:

Anh với anh **Lê Kim P** có mối quan hệ bạn bè trong nhiều năm. Trong thời gian quen biết nhau, anh có cho anh **P** vay tiền nhiều lần. Đến sáng ngày 16/8/2022 anh cùng anh **P** hẹn gặp nhau tại quán cà phê **số E Nhà T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa** để tính toán, bàn bạc, thống nhất đối chiếu các khoản nợ còn lại giữa hai bên. Sau khi tính toán bàn bạc hai bên thống nhất số tiền anh **P** còn nợ anh tính đến ngày 16/8/2022 là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), anh **P** hẹn đến ngày 25/8/2022 sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho anh và hai bên đã viết giấy nhận nợ, anh **P** đồng ý ký, ghi rõ họ tên vào phía “Bên vay”.

Đến hẹn anh **P** không trả nợ, anh đã nhiều lần liên lạc điện thoại nhưng anh **P** không nghe máy, anh đến nhà cũng không gặp được anh **P**. Do vậy anh đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **P** phải có trách nhiệm trả cho anh toàn bộ số tiền gốc còn nợ là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) và anh không yêu cầu tính lãi.

*Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Lê Kim P** trình bày:*

Trong tổng số tiền anh **Đ** yêu cầu anh trả nợ là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), theo giấy nhận nợ ngày 16/8/2022 thì thực tế anh chỉ vay anh **Đặng 7 B** mười triệu đồng), anh **Đ** đã chuyển khoản cho anh vào ngày 16/7/2022. Số tiền còn lại 380.000.000đ (Ba trăm, tám mươi triệu đồng) anh không nợ nên không biết đây là khoản tiền gì.

Đối với “Giấy nhận nợ” ngày 16/8/2022 anh thừa nhận chữ viết, chữ ký phía “Bên vay” là của anh, nhưng anh cho rằng anh ký giấy nhận nợ trong tình trạng mới uống rượu xong, không tỉnh táo bình thường, nhưng anh không có tài liệu chứng cứ gì về việc này để giao nộp cho Tòa án. Do đó, anh chỉ có trách nhiệm trả cho anh **Đặng 7** (Bảy mươi triệu đồng), anh không đồng ý trả 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) như yêu cầu của anh **Đ**, số tiền còn lại anh không biết nên không có trách nhiệm trả nợ.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điều 39; Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Điều 357; Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (BLDS). Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh **Lê Kim P** phải trả cho anh **Hoàng Văn Đ** tổng số tiền nợ là 450.000.000đ (Bốn trăm

năm mươi triệu đồng). Ngoài ra Bản án còn quyết định về lãi xuất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xử sơ thẩm, bị đơn anh **Lê Kim P** đã kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, anh cho rằng chỉ nợ anh **Đ** số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) anh **Đ** đã chuyển khoản cho anh. Anh không nợ số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) như bản án sơ thẩm đã tuyên. Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa có quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS quyết định theo hướng: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh **Lê Kim P**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Về án phí phúc thẩm bị đơn anh **Lê Kim P** phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] *Về tố tụng và quan hệ pháp luật:* Anh **Hoàng Văn Đ** cho anh **Lê Kim P** vay tiền nhiều lần. Ngày 18/6/2022 hai bên thống nhất với nhau số tiền vay nợ còn lại là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi xuất. Anh **P** thừa nhận có vay tiền của anh **Đ**, số tiền anh chỉ nợ là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Hai bên không thống nhất được với nhau về số tiền nợ, anh **Đ** đã đòi nhiều lần nhưng anh **P** không trả nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] *Xét tính hợp pháp của kháng cáo:*

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/4/2023 anh **Lê Kim P** có đơn kháng cáo và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định tại Điều 273; Điều 275 và Điều

276 BLTTDS nên đơn kháng cáo là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật được thụ lý, xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm

[3] Xét kháng cáo của bị đơn anh **Lê Kim P**:

Về số tiền nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **Lê Kim P** không thừa nhận anh nợ anh **Hoàng Văn Đ** 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) như ghi trong “Giấy nhận nợ” ngày 16/8/2022, anh chỉ thừa nhận anh có nợ anh **Đặng 7** (Bảy mươi triệu đồng). Số tiền còn lại 380.000.000đ (Ba trăm, tám mươi triệu đồng) anh không nợ, nên không biết đây là khoản tiền gì. Anh **P** thừa nhận chữ ký bên phía “Bên vay” trong “Giấy nhận nợ” ngày 16/8/2022 là của anh và anh cho rằng tại thời điểm ký giấy nhận nợ anh mới uống rượu xong, không tỉnh táo bình thường, tuy nhiên đây chỉ là lời khai một phía, anh **P** không có tài liệu chứng cứ gì về việc này để giao nộp cho Tòa án. Mặt khác, tại phiên tòa anh **P** và anh **Đ** đều thừa nhận sáng ngày 16/8/2022 tại quán cà phê **số E Nhà T, phường T, thành phố T** chỉ có hai người tự thỏa thuận thống nhất chốt nợ với nhau, không có người thứ ba làm chứng hay chứng kiến nên việc viết và ký trong “Giấy nhận nợ” là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hơn nữa hai bên cũng thừa nhận vào khoảng cuối năm 2022, anh **Đ** có gửi hình ảnh “Giấy nhận nợ” ngày 16/8/2022 cho anh **P** qua **Z**, anh **P** đã nhận và biết nhưng kể từ đó cho đến khi Tòa án thụ lý vụ án và thông báo hoà giải anh **P** không có ý kiến hay thắc mắc gì với anh **Đặng đối v** số tiền nợ 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) ghi nợ trong “Giấy nhận nợ” ngày 16/8/2022. Điều đó chứng tỏ việc anh **P** khai anh ký vào “Giấy nhận nợ” ngày 16/8/2022 trong tình trạng không được tỉnh táo bình thường là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó HĐXX có đủ cơ sở để khẳng định Anh **Lê Kim P** đang còn nợ anh **Hoàng Văn Đ** số tiền gốc đã vay là 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Cấp sơ thẩm tuyên xử buộc anh **Lê Kim P** phải trả cho anh **Hoàng Văn Đ** toàn bộ số tiền nợ gốc trên theo yêu cầu khởi kiện của anh **Hoàng Văn Đ** là có căn cứ pháp luật.

Về tiền lãi: Anh **Hoàng Văn Đ** không yêu cầu anh **Lê Kim P** phải trả lãi của khoản tiền vay đang nợ. Việc anh **Đ** không yêu cầu tính lãi xuất của số tiền nợ là hoàn toàn tự nguyện, nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX nhận thấy kháng cáo của bị đơn anh **Lê Kim P** là không có cơ sở để chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa. Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX và có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm nên anh **Lê Kim P** phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh **Lê Kim P**. Giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm số 09/2023/DS-ST ngày 05/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Buộc anh **Lê Kim P** phải có trách nhiệm trả cho anh **Hoàng Văn Đ** số tiền nợ gốc 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh **Đ** có đơn yêu cầu và được Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu anh **P** không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Anh **Lê Kim P** phải chịu 22.000.000đ (Hai hai triệu đồng).

Trả lại cho anh **Hoàng Văn Đ** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số: AA/2021/0002740 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Án phí phúc thẩm dân sự: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc anh **Lê Kim P** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh **P** đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0002992 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND cấp cao, VKSND cấp cao;
- TAND; VKSND TP. Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Thành